



Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Định
binhdinh@chinhphu.vn
Tỉnh Bình Định

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **36** /2025/QĐ-UBND

Bình Định, ngày **29** tháng **4** năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 1 Quyết định số 19/2024/QĐ-UBND ngày 19 tháng 6 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định quy định số lượng Tổ bảo vệ an ninh, trật tự; số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự tại thôn, khu phố trên địa bàn tỉnh Bình Định

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở ngày 28 tháng 11 năm 2023;

Thực hiện Nghị quyết số 1257/NQ-UBTVQH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Bình Định giai đoạn 2023-2025 được Ủy ban Thường vụ Quốc hội thông qua tại phiên họp ngày 24 tháng 10 năm 2024 và Nghị quyết số 111/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định khóa XIII, kỳ họp thứ 20 về việc đổi tên khu phố thuộc phường Trần Phú và phường Thị Nại, thành phố Quy Nhơn;

Căn cứ Nghị quyết số 03/2024/NQ-HĐND ngày 12 tháng 6 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định khóa XIII, kỳ họp thứ 16 (kỳ họp chuyên đề) quy định tiêu chí thành lập Tổ bảo vệ an ninh, trật tự; tiêu chí về số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự và một số chế độ, chính sách đối với lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Theo đề nghị của Giám đốc Công an tỉnh tại Tờ trình số 2066/TTr-CAT-PV01 ngày 23 tháng 4 năm 2025;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 1 Quyết định số 19/2024/QĐ-UBND quy định số lượng Tổ bảo vệ an ninh, trật tự; số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự tại thôn, khu phố trên địa bàn tỉnh Bình Định.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 1 Quyết định số 19/2024/QĐ-UBND ngày 19 tháng 6 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định quy

định số lượng Tổ bảo vệ an ninh, trật tự; số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự tại thôn, khu phố trên địa bàn tỉnh Bình Định như sau:

“2. Số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự: 3.946 thành viên.

(có Phụ lục kèm theo Quyết định này)”

Điều 2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Công an tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 10 tháng 5 năm 2025./. 

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Bộ Công an;
- Cục KTVB&QLXLVPHC - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Công an tỉnh;
- Các Sở: Nội vụ, Tư pháp, Tài chính, Y tế;
- Lãnh đạo, CV VP UBND tỉnh;
- Trung tâm Phục vụ hành chính công;
- Lưu: VT, CAT, K18. 

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Phạm Anh Tuấn

Phụ lục
SỐ LƯỢNG TỔ BẢO VỆ AN NINH, TRẬT TỰ; SỐ LƯỢNG THÀNH VIÊN
TỔ BẢO VỆ AN NINH, TRẬT TỰ TẠI THÔN, KHU PHỐ
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH ĐỊNH

(Kèm theo Quyết định số **36** /2025/QĐ-UBND ngày **29** tháng **4** năm 2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định)

STT	Tên huyện, thị xã, thành phố	Số lượng xã, phường, thị trấn	Số lượng Tổ bảo vệ an ninh, trật tự	Số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự
	Toàn tỉnh	155	1.116	3.946
I	Thành phố Quy Nhơn	17	145	554
1	Phường Nhơn Bình		9	37
2	Phường Nhơn Phú		8	34
3	Phường Đồng Đa		13	54
4	Phường Trần Quang Diệu		8	35
5	Phường Hải Cảng		11	39
6	Phường Quang Trung		8	35
7	Phường Thị Nại		22	76
8	Phường Ngô Mây		11	41
9	Phường Trần Phú		17	58
10	Phường Bùi Thị Xuân		8	30
11	Phường Nguyễn Văn Cừ		9	30
12	Phường Ghềnh Ráng		5	21
13	Xã Nhơn Lý		4	18
14	Xã Nhơn Hội		3	12
15	Xã Nhơn Hải		3	12
16	Xã Nhơn Châu		3	9
17	Xã Phước Mỹ		3	13

N/

STT	Tên huyện, thị xã, thành phố	Số lượng xã, phường, thị trấn	Số lượng Tổ bảo vệ an ninh, trật tự	Số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự
II	Thị xã An Nhơn	15	108	405
1	Xã Nhơn Mỹ		9	33
2	Xã Nhơn Hạnh		12	38
3	Xã Nhơn Hậu		9	33
4	Xã Nhơn Phong		7	24
5	Xã Nhơn An		6	24
6	Xã Nhơn Phúc		8	27
7	Xã Nhơn Khánh		4	19
8	Xã Nhơn Lộc		6	22
9	Xã Nhơn Tân		5	19
10	Xã Nhơn Thọ		4	18
11	Phường Bình Định		8	31
12	Phường Đập Đá		7	30
13	Phường Nhơn Thành		8	27
14	Phường Nhơn Hưng		6	24
15	Phường Nhơn Hòa		9	36
III	Thị xã Hoài Nhơn	17	155	521
1	Xã Hoài Sơn		12	38
2	Xã Hoài Châu Bắc		10	34
3	Xã Hoài Châu		9	30
4	Xã Hoài Phú		9	28
5	Xã Hoài Hải		5	17
6	Xã Hoài Mỹ		11	38
7	Phường Tam Quan		9	27
8	Phường Bồng Sơn		11	38

STT	Tên huyện, thị xã, thành phố	Số lượng xã, phường, thị trấn	Số lượng Tổ bảo vệ an ninh, trật tự	Số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự
9	Phường Tam Quan Bắc		10	36
10	Phường Tam Quan Nam		7	25
11	Phường Hoài Hảo		6	23
12	Phường Hoài Thanh Tây		10	30
13	Phường Hoài Thanh		10	30
14	Phường Hoài Hương		11	37
15	Phường Hoài Tân		7	31
16	Phường Hoài Xuân		8	24
17	Phường Hoài Đức		10	35
IV	Huyện An Lão	10	57	177
1	Xã An Hưng		5	15
2	Xã An Trung		7	21
3	Xã An Dũng		4	12
4	Xã An Vinh		7	21
5	Xã An Toàn		3	9
6	Xã An Tân		6	18
7	Xã An Hòa		9	33
8	Xã An Quang		5	15
9	Xã An Nghĩa		5	15
10	Thị trấn An Lão		6	18
V	Huyện Hoài Ân	15	82	283
1	Xã Ân Hảo Tây		5	17
2	Xã Ân Hảo Đông		7	22
3	Xã Ân Sơn		2	6
4	Xã Ân Mỹ		5	15

STT	Tên huyện, thị xã, thành phố	Số lượng xã, phường, thị trấn	Số lượng Tổ bảo vệ an ninh, trật tự	Số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự
5	Xã Đak Mang		4	12
6	Xã Ân Tín		5	21
7	Xã Ân Thạnh		6	24
8	Xã Ân Phong		6	21
9	Xã Ân Đức		6	24
10	Xã Ân Hữu		6	20
11	Xã Bok Tới		5	15
12	Xã Ân Tường Tây		6	21
13	Xã Ân Tường Đông		7	22
14	Xã Ân Nghĩa		7	26
15	Thị trấn Tăng Bạt Hổ		5	17
VI	Huyện Phù Cát	18	117	442
1	Xã Cát Sơn		3	12
2	Xã Cát Minh		7	29
3	Xã Cát Tài		8	29
4	Xã Cát Lâm		5	18
5	Xã Cát Hanh		11	42
6	Xã Cát Thành		6	23
7	Xã Cát Trinh		4	18
8	Xã Cát Hải		4	17
9	Xã Cát Hiệp		3	13
10	Xã Cát Nhơn		9	31
11	Xã Cát Hưng		6	21
12	Xã Cát Tường		9	35
13	Xã Cát Tân		7	31

STT	Tên huyện, thị xã, thành phố	Số lượng xã, phường, thị trấn	Số lượng Tổ bảo vệ an ninh, trật tự	Số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự
14	Xã Cát Thắng		5	19
15	Xã Cát Chánh		5	18
16	Thị trấn Ngô Mây		10	30
17	Thị trấn Cát Tiến		7	26
18	Thị trấn Cát Khánh		8	30
VII	Huyện Phù Mỹ	19	168	543
1	Xã Mỹ Đức		7	24
2	Xã Mỹ Châu		9	28
3	Xã Mỹ Thắng		8	29
4	Xã Mỹ Lộc		9	27
5	Xã Mỹ Lợi		8	26
6	Xã Mỹ An		7	25
7	Xã Mỹ Phong		11	35
8	Xã Mỹ Trinh		8	24
9	Xã Mỹ Thọ		12	41
10	Xã Mỹ Hòa		7	21
11	Xã Mỹ Thành		9	30
12	Xã Mỹ Chánh		16	49
13	Xã Mỹ Quang		7	23
14	Xã Mỹ Hiệp		17	56
15	Xã Mỹ Tài		12	36
16	Xã Mỹ Cát		4	12
17	Xã Mỹ Chánh Tây		6	18
18	Thị trấn Phù Mỹ		7	25
19	Thị trấn Bình Dương		4	14

STT	Tên huyện, thị xã, thành phố	Số lượng xã, phường, thị trấn	Số lượng Tổ bảo vệ an ninh, trật tự	Số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự
VIII	Huyện Tây Sơn	15	76	303
1	Xã Bình Tân		6	21
2	Xã Tây Thuận		4	15
3	Xã Bình Thuận		5	20
4	Xã Tây Giang		6	25
5	Xã Bình Thành		4	19
6	Xã Tây An		5	17
7	Xã Bình Hòa		6	22
8	Xã Tây Bình		3	13
9	Xã Bình Tường		3	15
10	Xã Tây Vinh		4	16
11	Xã Vĩnh An		5	15
12	Xã Tây Xuân		3	13
13	Xã Bình Nghi		7	31
14	Xã Tây Phú		5	21
15	Thị trấn Phú Phong		10	40
IX	Huyện Tuy Phước	13	101	386
1	Xã Phước Thắng		9	30
2	Xã Phước Hưng		7	26
3	Xã Phước Quang		11	41
4	Xã Phước Hòa		10	40
5	Xã Phước Sơn		10	43
6	Xã Phước Hiệp		8	24
7	Xã Phước Lộc		11	33
8	Xã Phước Nghĩa		3	12

STT	Tên huyện, thị xã, thành phố	Số lượng xã, phường, thị trấn	Số lượng Tổ bảo vệ an ninh, trật tự	Số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự
9	Xã Phước Thuận		8	31
10	Xã Phước An		10	42
11	Xã Phước Thành		4	20
12	Thị trấn Tuy Phước		6	25
13	Thị trấn Diêu Trì		4	19
X	Huyện Vân Canh	7	48	152
1	Xã Canh Liên		8	24
2	Xã Canh Hiệp		5	15
3	Xã Canh Vinh		9	33
4	Xã Canh Hiến		4	14
5	Xã Canh Thuận		8	24
6	Xã Canh Hòa		3	9
7	Thị trấn Vân Canh		11	33
XI	Huyện Vĩnh Thạnh	9	59	180
1	Xã Vĩnh Sơn		6	18
2	Xã Vĩnh Kim		6	18
3	Xã Vĩnh Hiệp		7	21
4	Xã Vĩnh Hảo		4	12
5	Xã Vĩnh Hòa		7	21
6	Xã Vĩnh Thịnh		9	28
7	Xã Vĩnh Thuận		8	24
8	Xã Vĩnh Quang		5	17
9	Thị trấn Vĩnh Thạnh		7	21